

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ Đ
TỈNH Q

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2024/HNGĐ- ST

Ngày: 29/8/2024

“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Đ, TỈNH Q

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Tuấn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lưu Xuân Giới.

2. Ông: Trần Hữu Trung

- **Thư ký phiên tòa:** Bà: Trần Thị M Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Q.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đ tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thị Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Q, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 110/2024/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024 về Tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2024, giữa:

1. **Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị Thanh M, sinh năm 1997. Nơi thường trú: khu M, phường X, thị xã Đ, tỉnh Q (có mặt).

2. **Bị đơn:** Anh Bùi Văn B, sinh năm 1990. Nơi thường trú: khu B, phường H, thị xã Đ, tỉnh Q (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/5/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị Thanh M trình bày:

- **Về tình cảm:** Chị và anh Bùi Văn B, tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã Đ, tỉnh Q vào năm 2022. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống tại khu B, phường H, thị xã Đ, tỉnh Q. Quá trình chung sống với nhau hạnh phúc, cho đến năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, không còn tôn trọng lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia

đình động viên hòa giải, bản thân đã cố gắng để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Chị cũng đã hai lần khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh B tại Tòa án nhân dân thị xã Đ và đều rút đơn để cho nhau cơ hội nhưng cũng không có kết quả.

Đến nay, chị thấy tình cảm chị dành cho anh B không còn nữa, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, nếu tiếp tục chung sống sẽ không thể đem lại hạnh phúc cho nhau. Nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Văn B để chị ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chị và anh Bùi Văn B chưa có con chung.

- Về tài sản và các khoản nợ chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung và không có nợ chung.

* Tại bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn anh Bùi Văn B trình bày:

Về tình cảm: Anh và chị Bùi Thị Thanh M kết hôn năm 2022 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã Đ, tỉnh Q. Trước khi kết hôn cả hai vợ chồng có thời gian tìm hiểu nhau. Sau khi kết hôn cả hai vợ chồng về chung sống tại khu B, phường H, thị xã Đ, tỉnh Q. Sau một khoảng thời gian chung sống thì anh phát hiện chị M có quan hệ bất chính nên vợ chồng có xảy ra cãi nhau và chị M bỏ nhà đi từ ngày 06/02/2024 cho đến nay. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Anh cũng thừa nhận việc chị M đã từng hai lần khởi kiện xin ly hôn anh và đều rút đơn để cho nhau cơ hội làm lại. Đến nay anh vẫn mong Tòa án xem xét cho vợ chồng anh về đoàn tụ tiếp tục chung sống cùng gia đình.

Về con chung: Anh và chị Bùi Thị Thanh M chưa có con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Nội dung mâu thuẫn cũng được chính quyền địa phương xác nhận tại biên bản xác minh ngày 05/7/2024, ông Nguyễn Văn Q - Trưởng khu B cung cấp: Chị Bùi Thị Thanh M và anh Bùi Văn B kết hôn với nhau vào năm 2022, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã Đ, tỉnh Q. Sau khi kết hôn cả hai vợ chồng về chung sống tại thôn khu B, phường H, thị xã Đ, tỉnh Q. Quá trình chung sống tại địa phương cho đến đầu năm 2024 thì xảy ra mâu thuẫn, đánh, cãi, chửi nhau. Nguyên nhân theo khu nắm được là do vợ chồng trẻ tính cách không hợp nhau, chị M có quan hệ bất chính với người khác. Cả hai đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2024 đến nay. Gia đình không báo tố hòa giải của khu nên chính quyền khu không tiến hành hòa giải.

* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đ phát biểu như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm HĐXX nghị án:

+ Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật;

+ Về tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70; Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị Thanh M về việc: "Ly hôn".

+ Về tình cảm: Xử cho chị Bùi Thị Thanh M được ly hôn với anh Bùi Văn B.

+ Về con chung: không có nên không xem xét.

+ Về tài sản chung và nợ chung: nguyên đơn không yêu cầu, nên không xét.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Bùi Thị Thanh M khởi kiện "ly hôn" đối với bị đơn anh Bùi Văn B có nơi thường trú tại khu B, phường H, thị xã Đ, tỉnh Q nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con của chị Bùi Thị Thanh M:

- Về quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị Thanh M và anh Bùi Văn B được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống từ năm 2022 hòa thuận, hạnh phúc cho đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, nên vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, đồng thời chị M cũng có quan hệ bất chính dẫn đến đánh, cãi, chửi nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình động viên, khuyên giải nhưng không có kết quả và từ khi xảy ra mâu thuẫn thì chị M và anh B sống ly thân cho đến nay. Mặt khác, chị Bùi Thị Thanh M cũng đã hai lần khởi kiện tại Tòa án nhân dân thị xã Đ và đều rút đơn để vợ chồng có cơ hội duy trì hôn nhân nhưng không có kết quả.

Nguyên nhân mâu thuẫn đã được xác minh tại chính quyền địa phương có nội dung thể hiện cơ bản đúng như nguyên đơn chị Bùi Thị Thanh M và bị đơn anh Bùi Văn B trình bày.

Từ những căn cứ trên có đủ căn cứ xác định hôn nhân giữa chị Bùi Thị Thanh M và anh Bùi Văn B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị Thanh M đối với anh Bùi Văn B.

- Về con chung: vợ chồng chị M và anh B chưa có con chung nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có và đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Bùi Thị Thanh M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Thanh M về việc “Ly hôn” đối với anh Bùi Văn B.

**Về tình cảm:* Chị Bùi Thị Thanh M được ly hôn với anh Bùi Văn B.

** Về án phí:* Buộc chị Bùi Thị Thanh M phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí: 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) chị M đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ, tỉnh Q, theo biên lai thu tiền số: 0003590 ngày 21/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ, tỉnh Q.

** Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q;
- Đương sự;
- VKSND thị xã Đ;
- Chi cục THADS thị xã Đ;
- UBND phường H;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phan Tuấn Anh